

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2013

ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2013	1 - 4
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013	5
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013	6 - 7
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013	8 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		742.206.427.301	920.629.000.655
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	72.627.787.479	106.444.251.929
1. Tiền	111		72.627.787.479	37.844.251.929
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	68.600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.760.318.985	14.840.738.889
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	11.760.318.985	21.878.738.889
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	-	(7.038.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		441.453.790.136	461.481.658.857
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	36.133.688.927	37.813.026.681
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	372.459.553.028	410.219.754.410
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	37.456.560.373	18.045.389.958
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(4.596.012.192)	(4.596.512.192)
IV. Hàng tồn kho	140		192.696.562.422	261.874.890.841
1. Hàng tồn kho	141	V.8	192.696.562.422	265.896.364.101
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	-	(4.021.473.260)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.667.968.279	75.987.460.139
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	21.925.056.131	50.875.944.988
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	1.742.912.148	25.111.515.151
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.446.636.380.515	1.517.341.623.753
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.451.987.355	19.386.487.355
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.12	16.451.987.355	19.386.487.355
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		1.296.034.486.677	1.327.203.920.157
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	955.207.530.584	1.019.957.293.889
<i>Nguyên giá</i>	222		1.842.992.928.113	1.887.123.953.562
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(887.785.397.529)	(867.166.659.673)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	19.169.728.852	18.173.866.721
<i>Nguyên giá</i>	228		27.161.700.332	25.321.710.332
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.991.971.480)	(7.147.843.611)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	321.657.227.241	289.072.759.547
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		123.746.685.503	159.888.115.912
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	66.414.823.886	91.915.323.886
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	46.800.390.000	46.800.390.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	32.251.730.183	49.266.408.183
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(21.720.258.566)	(28.094.006.157)
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.403.220.980	10.863.100.329
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	10.403.220.980	10.863.100.329
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.29	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.188.842.807.816	2.437.970.624.408

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		910.374.684.202	1.187.878.442.454
I. Nợ ngắn hạn	310		663.073.415.918	841.867.031.408
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	464.232.331.374	577.876.764.618
2. Phải trả người bán	312	V.22	28.934.448.143	100.704.038.782
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	9.418.122.000	1.292.170.001
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	25.237.754.666	15.119.979.751
5. Phải trả người lao động	315		3.518.940.628	1.714.452.316
6. Chi phí phải trả	316	V.25	24.890.687.321	7.515.218.645
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	50.453.261.707	80.001.871.893
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		56.387.870.079	57.642.535.402
II. Nợ dài hạn	330		247.301.268.284	346.011.411.046
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.27	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	200.000.000.000	298.436.771.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.29	37.086.756	9.286.366
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.30	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		47.264.181.528	47.565.353.680
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.278.468.123.614	1.250.092.181.954
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.278.207.344.157	1.249.446.005.854
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.31	500.000.000.000	500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.31	180.276.411.784	180.276.411.784
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.31	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.31	481.266.276.800	474.339.518.178
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.31	61.857.463.123	60.325.354.056
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.31	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	54.807.192.450	34.504.721.836
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		260.779.457	646.176.100
1. Nguồn kinh phí	432	V.33	177.444.793	487.053.793
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	V.34	83.334.664	159.122.307
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.188.842.807.816	2.437.970.624.408

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

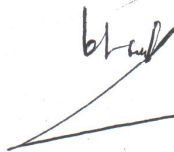
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.35	-	17.976.500.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.36	1.389.629.740	1.389.629.740
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		35.971,47	35.950,88
Euro (EUR)		-	-

Người lập biểu



Lê Huy Hùng

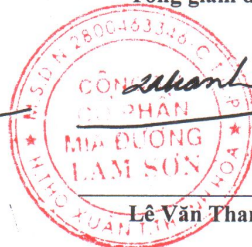
Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 10 tháng 10 năm 2013

Tổng giám đốc



Lê Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III - 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	296.600.493.438	187.263.637.234	1.150.696.062.868	1.034.268.084.841
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	296.600.493.438	187.263.637.234	1.150.696.062.868	1.034.268.084.841
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	265.525.084.881	152.620.400.037	1.015.720.481.965	881.815.760.038
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.075.408.557	34.643.237.197	134.975.580.903	152.452.324.803
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	649.979.143	3.171.524.922	6.595.148.717	9.907.930.088
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.149.703.921	17.375.226.226	70.267.933.813	56.881.562.396
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.675.672.847	17.169.569.005	53.178.218.761	45.582.928.584
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.720.895.033	528.833.628	8.771.977.208	7.736.154.965
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6.871.222.443	(472.544.168)	21.767.302.487	14.265.608.489
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.983.566.303	20.383.246.433	40.763.516.112	83.476.929.041
11. Thu nhập khác	31	VI.7	371.009.258	43.343.002	1.643.382.381	57.640.104
12. Chi phí khác	32	VI.8	161.571.016	281.192.048	939.072.355	659.001.293
13. Lợi nhuận khác	40		209.438.242	(237.849.046)	704.310.026	(601.361.189)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.193.004.545	20.145.397.387	41.467.826.138	82.875.567.852
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	1.820.717.106	3.339.112.743	9.614.469.311	16.509.878.217
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				27.800.390	(3.451.739.465)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.372.287.439	16.806.284.644	31.825.556.437	69.817.429.100

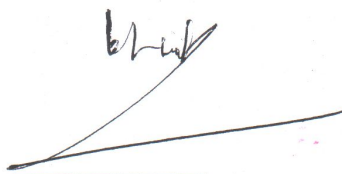
Lập ngày 10 tháng 10 năm 2013

Người lập biểu



Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		41.467.826.138	82.875.567.852
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		70.430.378.332	20.473.472.075
- Các khoản dự phòng	03		(13.412.569.627)	(2.327.459.890)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	(111.201.560)	291.993.757
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.505.427.034	(6.728.232.282)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	53.178.218.761	45.582.928.584
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			-	
trước thay đổi vốn lưu động	08		153.058.079.078	140.168.270.096
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.663.736.771	61.411.898.092
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		69.178.328.419	(151.289.031.930)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(50.862.977.536)	(96.468.997.512)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		52.779.371.209	(21.114.819.863)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(36.542.525.563)	(28.338.111.093)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		10.910.348.852	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		323.431.000	63.018.495.570
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.417.118.974)	(18.948.908.993)
			-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		213.090.673.256	(51.561.205.633)
			-	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
			-	
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(48.261.834.825)	(415.693.100.986)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		5.884.870.813	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.304.358.060)	(2.826.244.763)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(10.212.622.000)	(11.969.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		65.151.400.000	31.734.988.070
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	5.298.631.950	2.261.773.270
			-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.556.087.878	(396.492.084.409)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh-Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		993.941.255.374	1.143.305.632.886
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.206.022.459.618)	(634.905.895.169)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(50.493.222.900)	(74.941.557.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(262.574.427.144)	433.458.180.717
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(33.927.666.010)	(14.595.109.325)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	106.444.251.929	98.932.637.197
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		111.201.560	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	72.627.787.479	84.337.527.872

Lập ngày 10 tháng 10 năm 2013

Người lập biểu



Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Tổng giám đốc



Lê Văn Thanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle E-Business Suite).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

7. Chi phí đi vay

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trong kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/09/2013, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Trong kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/09/2013, Công ty không thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	57.967.609	110.571.197
Tiền gửi ngân hàng	72.569.819.870	36.971.080.732
Tiền đang chuyển	-	762.600.000
Các khoản tương đương tiền	-	68.600.000.000
Cộng	<u>72.627.787.479</u>	<u>106.444.251.929</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	12.423.600.000
- Cổ phiếu	-	12.423.600.000
+ VFMVF4	-	1.224.000
Đầu tư, cho vay ngắn hạn khác	11.760.318.985	9.455.138.889
+ Công ty CP rượu VN – TĐ	11.760.318.985	9.455.138.889
Cộng	<u>11.760.318.985</u>	<u>21.878.738.889</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	(7.038.000.000)

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP đường Biên Hòa	-	18.313.500.000
Công ty TNHH XNK Đức Thành	19.750.000.000	-
Khách hàng khác	16.383.688.927	19.499.526.681
Cộng	<u>36.133.688.927</u>	<u>37.813.026.681</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người trồng mía	356.366.419.777	386.352.906.422
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	16.093.133.251	23.866.847.988
Cộng	<u>372.459.553.028</u>	<u>410.219.754.410</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho vay không tính lãi	-	680.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu cổ tức từ Công ty con	1.045.309.500	2.749.845.386
Phải thu CB CNV tiền vay ViettinBank TH	182.081.212	182.081.212
Phải thu về tiền lãi dự thu	3.236.593.712	4.508.655.199
Thuế TNCN	1.044.102.478	693.352.240
Phải thu BHXH của CBCNV	-	1.042.185.238
Dự án tưới nước nhỏ giọt	3.718.018.188	3.718.018.188
Phải thu Khách sạn Lam Sơn	25.460.669.829	-
Các khoản phải thu khác	2.769.785.454	4.470.452.495
Cộng	37.456.560.373	18.045.389.958

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(4.596.012.192)	(4.596.512.192)

8. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	38.467.255.518	57.977.385.291
Công cụ, dụng cụ	1.963.705.139	2.010.723.692
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.362.628.235	16.821.843.509
Thành phẩm	146.429.927.450	186.245.077.650
Hàng hóa	2.473.046.080	2.841.333.959
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(4.021.473.260)
Cộng	192.696.562.422	261.874.890.841

9. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí kiểm tu	3.483.164.519	24.684.370.762
Công cụ dụng cụ	786.102.913	22.556.326
Chi phí điện lưới	1.436.891.940	1.130.714.808
Chi phí sửa chữa tài sản	979.936.331	105.828.637
Chi phí hỗ trợ cày sâu, thâm canh mía	2.415.896.590	19.935.723.486
Chi phí khác	12.823.063.838	4.996.750.969
Cộng	21.925.056.131	50.875.944.988

10. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	1.676.123.931	2.160.656.450
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	66.788.217	22.950.858.701
Cộng	1.742.912.148	25.111.515.151

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải thu dài hạn khác:**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước cho người bán	-	-
Các khoản phải thu dài hạn khác:	16.451.987.355	19.386.487.355
- Nông trường Thống Nhất (DA tưới nước)	977.681.544	977.681.544
- Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	7.057.057.337	14.171.105.206
- Nông trường Sông Âm (DA tưới nước)	772.521.113	772.521.113
- Phải thu dài hạn khác	7.644.727.361	3.465.179.492
Cộng	<u>16.451.987.355</u>	<u>19.386.487.355</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa. vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị. dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	311.096.565.163	1.495.725.784.140	55.185.826.713	25.115.777.546	1.887.123.953.562
Tăng trong kỳ					
<i>Mua sắm mới</i>	158.219.000	12.548.720.786		55.566.720	12.762.506.506
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	1.074.870.625				1.074.870.625
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Giảm do góp vốn bằng tài sản</i>	(11.576.309.074)	-	(411.868.173)	(575.691.111)	(12.563.868.358)
<i>Giảm do thanh lý, nhượng bán</i>	(1.503.827.953)	(36.010.953.654)	(2.378.873.024)	(282.212.985)	(40.175.867.616)
<i>Giảm do chuyển theo dõi CCDC</i>	(553.945.865)	(2.165.924.329)	(12.793.000)	(2.496.003.412)	(5.228.666.606)
Số cuối kỳ	298.695.571.896	1.470.097.626.943	52.382.292.516	21.817.436.758	1.842.992.928.113
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	157.727.914.061	642.824.500.577	45.677.603.500	20.936.641.535	867.166.659.673
Tăng trong kỳ					
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	7.111.243.454	60.111.885.748	1.641.776.215	721.345.046	69.586.250.463
<i>Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi</i>	1.610.592.126				1.610.592.126
Giảm trong kỳ					
<i>Giảm do góp vốn bằng tài sản</i>	(6.052.849.084)	-	(368.656.052)	(554.196.065)	(6.975.701.201)
<i>Giảm do thanh lý</i>	(1.499.735.794)	(35.345.526.297)	(2.220.844.781)	(262.580.122)	(39.328.686.994)
<i>Giảm do chuyển theo dõi CCDC</i>	(448.593.325)	(1.792.619.660)	(12.793.000)	(2.019.710.553)	(4.273.716.538)
Số cuối kỳ	158.448.571.438	665.798.240.368	44.717.085.882	18.821.499.841	887.785.397.529
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	153.368.651.102	852.901.283.563	9.508.223.213	4.179.136.011	1.019.957.293.889
Số cuối kỳ	140.247.000.458	804.299.386.575	7.665.206.634	2.995.936.917	955.207.530.584

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Giá trị lợi thế doanh nghiệp	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	16.289.230.614	9.032.479.718		25.321.710.332
Tăng trong kỳ do mua sắm	1.839.990.000			1.839.990.000
Hoàn thành từ XDCB				
Giảm trong kỳ				
Số cuối kỳ	18.129.220.614	9.032.479.718		27.161.700.332
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	791.671.382	6.356.172.229		7.147.843.611
Tăng trong kỳ do khấu hao	340.443.322	503.684.547		844.127.869
Giảm trong kỳ				
Số cuối kỳ	1.132.114.704	6.859.856.776		7.991.971.480
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	15.497.559.232	2.676.307.489		18.173.866.721
Số cuối kỳ	16.997.105.910	2.172.622.942		19.169.728.852

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ	-	-
XDCB dở dang	321.657.227.241	289.072.759.547
Dự án KS Lam Sơn	-	24.147.185.180
Dự án dịch hèm cô đặc	510.654.400	510.654.400
DA sử dụng bã mía làm nguyên liệu phát điện	243.268.471.288	238.696.484.960
DA nhà kho bã 1.000 tấn	41.492.714.474	3.764.316.841
Dự án khu nhà làm việc, nhà ở, trường mầm non	21.913.850.713	21.318.436.166
Dự án trung tâm công nghệ cao Lam Sơn	12.350.187.366	-
Dự án khác	665.682.000	635.682.000
Cộng	321.657.227.241	289.072.759.547

15. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 30/09/2013	
	Theo giấy phép	Thực góp	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	58,06%	58,06%	900.000	9.000.000.000
Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng	100%	100%		21.396.593.886
Công ty CP Cơ giới NN Lam Sơn	55,83%	55,83%	1.004.950	10.049.500.000
Công ty CP Giấy Lam Sơn	68,1%	68,1%	696.873	6.968.730.000
Công ty CP ĐT PT Lam Sơn - Bá Thước	76,92%	76,92%	1.000.000	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 30/09/2013	
	Theo giấy phép	Thực góp	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Nông công nghiệp DVTM Vân Sơn	78,95%	78,95%	900.000	9.000.000.000
Cộng				66.414.823.886

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, Liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 30/09/2013	
	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Du lịch Thanh Hoá	45,66%	45,66%	54.784	10.300.390.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	30,00%	38,99%	1.500.000	15.000.000.000
Công ty CP rượu Việt Nam – TĐ	38,39%	38,39%	2.150.000	21.500.000.000
Cộng				46.800.390.000

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư trái phiếu		-		-
- Cho vay dài hạn		8.144.553.930		8.144.553.930
+ Công ty CP vận tải Lam Sơn		1.544.553.930		1.544.553.930
+ Công ty CP ĐTTM Lam Sơn		6.600.000.000		6.600.000.000
- Đầu tư dài hạn khác		24.107.176.253		41.121.854.253
+ Công ty CP Vận tải Lam Sơn	-	-	19.000	1.900.000.000
+ Trường CDN Lam Kinh		5.616.476.253		5.179.854.253
+ Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông	231.420	2.314.200.000	2.314.000	23.142.000.000
+ Công ty CP ĐTTM Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
+ Cổ phiếu MB Land	90.000	900.000.000		900.000.000
+ Công ty CP du lịch & TM Lam Sơn		3.000.000.000		-
+ Công ty CP thương mại Lam Hà		2.276.500.000		-
Cộng		32.251.730.183		49.266.408.183

18. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán dài hạn	-	(8.408.844.841)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(215.003.855)	(3.071.491.850)
Dự phòng khoản lỗ của công ty liên kết	(21.505.254.711)	(16.613.669.466)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>(21.720.258.566)</u>	<u>(28.094.006.157)</u>

19. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>KC vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí thuê đất	8.505.034.198		287.044.170	8.217.990.028
DA tưới nước ngầm				
Netafim	2.286.315.517		977.739.460	1.308.576.057
Chi phí quy hoạch vùng nguyên liệu	71.750.614		71.750.614	-
TSCĐ chuyển CCDC chờ phân bổ	-	954.950.068	78.295.173	876.654.895
Cộng	<u>10.863.100.329</u>	<u>954.950.068</u>	<u>1.414.829.417</u>	<u>10.403.220.980</u>

20. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	462.232.331.374	575.876.764.618
Cộng	<u>464.232.331.374</u>	<u>577.876.764.618</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay PS trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn NH	575.876.764.618	952.876.255.374	1.066.520.688.618	462.232.331.374
Vay dài hạn NH đến hạn trả	2.000.000.000			2.000.000.000
Cộng	<u>577.876.764.618</u>	<u>952.876.255.374</u>	<u>1.066.520.688.618</u>	<u>464.232.331.374</u>

21. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người trồng mía	10.967.069.926	76.871.530.664
Phải trả nhà cung cấp khác	17.967.378.217	23.832.508.118
Cộng	<u>28.934.448.143</u>	<u>100.704.038.782</u>

22. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	9.418.122.000	1.292.170.001
Cộng	<u>9.418.122.000</u>	<u>1.292.170.001</u>

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.511.601.469	43.862.015.406	31.557.323.336	16.816.293.539
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.067.061.164	1.067.061.164	-
Thuế Nhập khẩu	-	484.274.343	484.274.343	-
Thuế TNDN	9.745.141.058	9.614.469.311	10.938.149.242	8.421.461.127
Thuế TNDN nộp thay nhà thầu nước ngoài	157.912.188	(23.038.135)	134.874.053	-
Thuế TNCN	264.868.513	625.817.660	890.686.173	-
Tiền thuê đất, thuê nhà đất	-	334.718.325	334.718.325	-
Thuế khác	440.456.523	5.249.936	445.706.459	-
Cộng	15.119.979.751	55.970.568.010	45.852.793.095	25.237.754.666

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

Ngon mía giống	Không chịu thuế
Đường, mật rỉ,	5%
Cồn	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 9 tháng đầu năm :

	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trước khi trích lập quỹ PT KHCN	41.467.826.138
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	(3.009.948.894)
- Các khoản điều chỉnh tăng	483.527.166
Chi phí khấu hao TSCĐ	251.191.884
Thù lao thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách	144.000.000
Truy thu, phạt chậm nộp thuế, phạt hành chính	88.335.282
- Các khoản điều chỉnh giảm	3.493.476.060
Cổ tức không có người nhận	1.232.215.000
Cổ tức được hưởng đã nộp thuế TNDN	2.150.059.500
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ	111.201.560
Tổng thu nhập tính thuế trước khi trích lập quỹ PT KHCN	38.457.877.244
Trích lập 10% quỹ PT KHCN	-
Thu nhập tính thuế sau khi trích lập quỹ PT KHCN	38.457.877.244

		Năm nay
Thuế TNDN hiện hành		9.614.469.311
Thuế TNDN hoãn lại		27.800.390
Lợi nhuận sau thuế TNDN		31.825.556.437
Thuế nhà đất		
Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.		
Các loại thuế khác		
Công ty kê khai và nộp theo qui định.		
24. Chi phí phải trả		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	24.136.687.321	7.500.994.123
Chi phí sử dụng điện, hơi, nước phải trả	-	14.224.522
Chi phí hợp đồng bảo vệ vụ ép	754.000.000	-
Chi phí dịch vụ phải trả khác	-	-
Cộng	24.890.687.321	7.515.218.645
25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	542.698.949	2.021.645.396
Kinh phí công đoàn	2.165.154.062	1.421.100.249
Cổ tức phải trả	802.410.850	51.295.633.750
Phải trả cho người lao động về nghỉ dưỡng sức	76.662.620	90.050.120
Phải trả CNV về ốm đau, thai sản	334.322.954	723.426.692
Các Quỹ ủng hộ nhân viên đóng góp	14.833.319.073	14.833.319.073
Hoàn ứng	222.049.914	123.654.579
Tiền thưởng vượt KH lợi nhuận	8.359.944.049	8.359.944.049
Bảo lãnh thực hiện HĐLĐ	880.000.000	860.000.000
Phải trả Khách sạn Lam Sơn	22.155.000.000	-
Các khoản phải trả khác	81.699.236	273.097.985
Cộng	50.453.261.707	80.001.871.893
26. Phải trả dài hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả dài hạn	-	-

27. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ dài hạn ngân hàng	-	98.436.771.000
Trái phiếu chuyển đổi	200.000.000.000	200.000.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số tiền trả/giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Ngân hàng Phát triển Thanh Hoá	98.436.771.000	41.065.000.000	139.501.771.000	-
Đối tượng khác	200.000.000.000	-	-	200.000.000.000
Cộng	298.436.771.000	41.065.000.000	139.501.771.000	200.000.000.000

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn

Trên 1 năm đến 5 năm	200.000.000.000
Tổng nợ	200.000.000.000

28. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	37.086.756	9.286.366
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-

29. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	-
Số trích lập trong kỳ	-
Số chi trong năm	-
Giảm trong kỳ	-
Số cuối kỳ	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**30. Vốn chủ sở hữu*****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi sau thuế chưa phân phối
Số đầu năm trước	500.000.000.000	180.276.411.784	-	-	249.119.418.106	41.520.206.268	409.005.366.262
Tăng vốn trong năm							
Lợi nhuận trong năm trước							34.504.721.836
Lợi nhuận các năm trước					182.259.036.173		(182.259.036.174)
Trích lập các quỹ					37.610.295.574	18.805.147.788	(94.025.738.938)
Chia cổ tức năm trước							(125.000.000.000)
Các khoản khác					5.350.768.325		(7.720.591.150)
Số dư cuối năm trước	500.000.000.000	180.276.411.784	-	-	474.339.518.178	60.325.354.056	34.504.721.836
Số dư đầu năm nay	500.000.000.000	180.276.411.784	-	-	474.339.518.178	60.325.354.056	34.504.721.836
Tăng vốn góp trong năm							
Lợi nhuận trong kỳ							31.825.556.437
Lợi nhuận năm trước							
Trích lập các quỹ					3.064.218.135	1.532.109.067	(11.523.085.823)
Chia cổ tức năm nay							
Các khoản khác					3.862.540.487		
Số dư cuối kỳ	500.000.000.000	180.276.411.784	-	-	481.266.276.800	61.857.463.123	54.807.192.450

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	500.000.000.000	500.000.000.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.276.411.784	180.276.411.784
Cộng	680.276.411.784	680.276.411.784

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>50.000.000</i>	<i>50.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>50.000.000</i>	<i>50.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành BQ trong kỳ	50.000.000	50.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>50.000.000</i>	<i>50.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

31. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng quỹ trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	16.996.050.731	1.532.109.067	52.000.000	-	18.476.159.798
Quỹ phúc lợi	31.171.779.121	1.532.109.067	1.849.303.601	-	30.854.584.587
Quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ	9.474.705.550	-	2.417.579.856	-	7.057.125.694
Cộng	57.642.535.402	3.064.218.134	4.318.883.457	-	56.387.870.079

32. Nguồn kinh phí

Số đầu năm	487.053.793
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	323.431.000
Chi sự nghiệp	(633.040.000)
Giảm khác	
Số cuối kỳ	177.444.793

33. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	159.122.307
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	
Khấu hao trong kỳ	(75.787.643)
Số cuối kỳ	83.334.664

34. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công

Số đầu năm	17.976.500.000
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	17.976.500.000
Số cuối kỳ	-

35. Nợ khó đòi đã xử lý

Số đầu năm	1.389.629.740
Nợ khó đòi đã xử lý trong kỳ	-
Nợ khó đòi đã được thu hồi được trong kỳ	-
Số cuối kỳ	1.389.629.740

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ III- 2013:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Chỉ tiêu	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Tổng doanh thu	296.600.493.438	187.263.637.234	1.150.696.062.868	1.034.268.084.841
Doanh thu bán hàng hóa	-	474.277.936	385.114.162	4.457.375.219
Doanh thu bán thành phẩm	296.600.493.438	186.751.177.480	1.150.088.403.649	1.029.156.724.093
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	38.181.818	222.545.057	653.985.529
Doanh thu khác				
Doanh thu thuần	296.600.493.438	187.263.637.234	1.150.696.062.868	1.034.268.084.841
Doanh thu bán hàng hóa	-	474.277.936	385.114.162	4.457.375.219
Doanh thu bán thành phẩm	296.600.493.438	186.751.177.480	1.150.088.403.649	1.029.156.724.093
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	38.181.818	222.545.057	653.985.529
Doanh thu khác				

2. Giá vốn hàng bán

Chỉ tiêu	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã	21.712	512.412.439	383.499.647	4.452.453.947

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
cung cấp				
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	265.505.840.797	152.088.748.527	1.015.289.999.120	877.327.485.316
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.222.372	19.239.071	46.983.198	32.583.475
Giá vốn của hàng bán khác				3.237.300
Cộng	265.525.084.881	152.620.400.037	1.015.720.481.965	881.815.760.038

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Lãi tiền gửi	40.571.239	99.450.641	330.121.033	1.084.996.054
Lãi tiền cho vay	(435.901.596)	1.745.186.538	3.992.779.993	5.368.028.021
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.045.309.500	1.326.873.000	2.150.059.500	3.446.718.386
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện			111.201.560	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		14.743	10.986.631	8.187.627
Lãi thanh lý các khoản ĐT ngắn hạn khác				
Lãi thanh lý các khoản ĐT dài hạn khác				
Cộng	649.979.143	3.171.524.922	6.595.148.717	9.907.930.088

4. Chi phí tài chính

	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Chi phí lãi vay	12.675.672.847	17.169.569.005	53.178.218.761	45.582.928.584
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện				291.993.757
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.178.315	12.333.533	150.773.748	53.497.509
Lỗ t lý các khoản đầu tư tài chính		193.323.688	11.969.016.840	193.323.688
DP giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	2.464.852.759	-	4.769.924.464	10.759.818.858
Chi phí khác			200.000.000	
Cộng	15.149.703.921	17.375.226.226	70.267.933.813	56.881.562.396

5. Chi phí bán hàng

	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Chi phí nhân viên	1.004.908.019	(418.557.927)	4.049.010.111	2.479.347.448

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	14.022.501	1.180.428	23.031.585	15.770.428
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	20.947.959	71.174.555	322.394.936	631.522.700
Chi phí khấu hao TSCĐ	266.450.352	323.505.872	799.351.055	952.809.284
Chi phí dịch vụ mua ngoài	301.126.002	14.125.528	2.791.008.757	1.707.375.528
Chi phí bằng tiền khác	113.440.200	537.405.172	787.180.764	1.949.329.577
Cộng	1.720.895.033	528.833.628	8.771.977.208	7.736.154.965

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.727.668.275	(1.312.378.176)	10.744.884.722	6.864.362.776
Chi phí vật liệu quản lý	48.724.139	151.200	127.307.660	12.123.926
Chi phí đồ dùng văn phòng	78.995.833	99.909.769	384.923.922	424.427.524
Chi phí khấu hao TSCĐ	984.835.083	961.494.409	2.935.473.297	2.910.388.540
Thuế, phí và lệ phí	25.133.394	111.513.672	418.238.556	429.755.766
Chi phí dự phòng, trợ cấp	414.978.514		484.146.414	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.272.410.157	1.986.515.150	2.634.600.997	3.930.229.618
Quỹ đầu tư phát triển KH		(3.000.000.000)		(6.300.000.000)
Chi phí bằng tiền khác	1.318.477.048	680.249.808	4.037.726.919	5.994.320.339
Cộng	6.871.222.443	(472.544.168)	21.767.302.487	14.265.608.489

7. Thu nhập khác

	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	259.090.909		259.090.909	
Thu từ bán vật tư, phế liệu				
Tiền phạt vi phạm hợp đồng		37.953.819		37.953.819
Các khoản khác	111.918.349	5.389.183	1.384.291.472	19.686.285
Cộng	371.009.258	43.343.002	1.643.382.381	57.640.104

8. Chi phí khác

	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, t lý	158.028.243		847.180.622	
CP thanh lý vật tư, phế liệu				
Thuế bị phạt, bị truy thu		249.830.874	249.936	562.155.539
Các khoản khác	3.542.773	31.361.174	91.641.797	96.845.754
Cộng	161.571.016	281.192.048	939.072.355	659.001.293

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	27.800.390	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.825.556.437
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.825.556.437
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	636
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:	
	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	50.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50.000.000

VII - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính		
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		30/09/2013	31/12/2012
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	33,91	37,76
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	66,09	62,24
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	41,59	48,72
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	58,41	51,28
Khả năng thanh toán		30/09/2013	31/12/2012
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,40	2,05
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,12	1,09
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,11	0,13
Tỷ suất sinh lời lũy kế 09 tháng đầu năm:		2013	2012
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	3,58	7,94

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	2,75	6,69
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	3,60	8,01
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	2,77	6,75
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,89	3,40
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,45	2,86
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	2,49	5,59

2. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ:

Lợi nhuận sau thuế 09 tháng đầu năm 2013 đạt 31.825.556.437 đồng tương đương đạt 45,58% so với cùng kỳ năm 2012 là do các nguyên nhân sau:

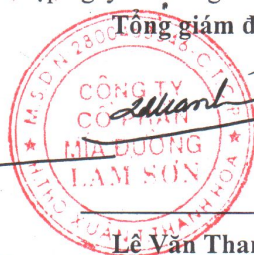
- Doanh thu tiêu thụ tăng 116.427.978.027 đồng tương đương tăng 11,26%, tuy nhiên giá vốn tăng 15,18% do chi phí đầu vào của nguyên vật liệu tăng cao và tăng chi phí khấu hao TSCĐ từ việc hoàn thành dự án nâng cấp mở rộng nhà máy đường số 2.
- Chi phí hoạt động tài chính 9T đầu năm 2013 là 70.267.933.813 đồng (trong đó CP lãi vay là 53.178.218.761 đồng) tăng 13.386.371.417 đồng tương đương tăng 23,53% so với cùng kỳ năm 2012. Nguyên nhân do Công ty đã sử dụng nguồn vốn vay các ngân hàng thương mại để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Bên cạnh đó, công ty đã tăng cường công tác quản lý, giảm chi phí đến mức tối đa. Chi phí bán hàng 9T đầu năm 2013 chỉ tương đương so với cùng kỳ năm 2012.

Lập ngày 10 tháng 10 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Lê Huy Hùng

Lê Thị Huệ

Lê Văn Thanh